TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/DS-PT
Ngày 13 - 8 - 2018
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Túy Giang

Bà Trần Ngọc Như

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1928 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1930 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 33, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà H: Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Ng, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 09/7/2018, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H: Bà Trịnh Hồng N, là Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1969 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1967 (vắng mặt).

2. Chị Lê Huỳnh M, sinh năm 1987 (có mặt).

3. Anh Lê Quốc K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn D và chị Lê Huỳnh M: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017).

Người giám hộ cho anh Lê Quốc K: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1969 (mẹ ruột anh Khánh). Địa chỉ: Ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn T2: Bà Trần Thị Đỗ Q, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 03/10/2016; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1969.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà H là bà Huỳnh Thị H1 trình bày: Phần đất tranh chấp trước đây có diện tích chiều ngang khoảng 24m, chiều dài khoảng 30m, ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H sử dụng làm sân phơi lúa và phần đất phía trên lộ Minh Diệu – Hòa Bình đối diện với phần đất tranh chấp có chiều ngang khoảng 24m, chiều dài khoảng 30m; các phần đất đều tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Thời gian này, bà Huỳnh Thị T1 là con gái của ông T và bà H lập gia đình, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên ông T, bà H tặng cho bà T1 phần đất phía trên lộ để xây dựng nhà ở. Đến năm 1993, ông T, bà H đồng ý cho bà T1 mượn phần đất dưới mé sông là phần đất đang tranh chấp cất nhà tạm để ở và chăn nuôi gia cầm. Tuy nhiên, ông T, bà H có nói với bà T1 trường hợp bà T1 muốn sử dụng phần đất dưới mé sông thì phải trả lại phần đất trên lộ và ngược lại. Đến năm 2010, bà T1 xây dựng nhà kiên cố ở phần đất trên lộ thì ông T, bà H đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà T1 với phần đất nêu trên. Đến năm 2015, ông T, bà H họp mặt gia đình để tặng cho bà Huỳnh Hồng T phần đất dưới mé sông thì bà T1 ngăn cản, vì bà T1 cho rằng ông T, bà H đã tặng cho bà T1 phần đất dưới mé sông và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông T, bà H yêu cầu hộ bà T1 trả phần đất dưới mé sông theo diện tích đo đạc thực tế 651m^2 và yêu cầu

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà T1 diện tích 651m^2, tại thửa 429, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M và là người giám hộ cho anh Lê Quốc K trình bày: Khoảng năm 1990, cha bà là ông Huỳnh Ngọc T tặng cho bà phần đất diện tích 2.060m^2 tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu gồm phần đất trên lộ và phần đất dưới mé sông. Năm 1993, có đoàn đo đạc Cửu Long đến để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thì ông T và bà đi kê khai, đăng ký cho bà diện tích 2.060m^2, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn M. Đến năm 1994, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất cấp cho hộ gia đình và hộ gia đình bà gồm có bà và chồng bà là ông Lê Văn D, các con Lê Huỳnh M, Lê Quốc K (K bị bệnh bại não từ nhỏ nên bà không yêu cầu giám định), phần đất trên bà sử dụng ổn định hơn 20 năm, không phát sinh tranh chấp với ai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà đang cất giữ không có thế chấp vay tín dụng. Nay ông T, bà H yêu cầu bà trả lại diện tích đất 651m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 651m^2, tại thửa 429, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì bà không đồng ý. Nếu trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu của ông T, bà H thì bà yêu cầu trả lại công bồi đắp tôn tạo cho bà là 50.000.000 đồng. Vì phần đất này là khi cha mẹ bà cho là đất thấp trũng, gia đình bà phải bồi đắp rất nhiều năm mới được như hiện nay.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H là bà Trần Thị Đỗ Q trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận đất cho hộ bà Huỳnh Thị T1 là đúng quy trình, thủ tục theo quy định pháp luật.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H đòi bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K diện tích đất 651m^2 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T1 diện tích đất 651m^2.

2. Buộc bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H diện tích đất 651m^2 nằm trong một phần thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

3. Hủy một phần giấy chứng nhận đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T1 diện tích đất 651 m^2 nằm trong một phần thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

4. Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý sử dụng 02 cây me chưa cho trái, 01 cây dừa chưa cho trái, 02 cây táo đã cho trái, 01 cây ổi đã cho trái, 03 bụi tre.

5. Buộc ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K số tiền 52.817.000 đồng.

6. Buộc bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K phải có nghĩa vụ di dời (bứng) 03 cây xanh (cây kiểng) để trả lại phần đất cho ông T và bà H khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, bị đơn bà Huỳnh Thị T1 kháng cáo Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T, bà H; việc bà T1 kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất ông T, bà H không biết. Các nhân chứng thì không ai trực tiếp chứng kiến ông T, bà H tặng cho đất bà T1 phần đất tranh chấp. Chỉ có đủ cơ sở xác định bà T1 có ở trên phần đất này, không có tài liệu, chứng cứ xác định ông T, bà H tặng cho bà T1 diện tích đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1, sửa Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2016 và trích đo khu đất tranh chấp ngày 11/8/2016, thể hiện diện tích đất tranh chấp 651m^2, tại thửa số 429, tờ bản đồ số 07, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là huyện H), tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp với kênh Hòa Bình – Minh Diệu, có số đo 23m.
Hướng Tây giáp với lộ Hòa Bình – Minh Diệu, có số đo 26m.

Hướng Nam giáp đất của ông Huỳnh Văn Q và bà Huỳnh Thị T đang tranh chấp, có số đo 28m (tính từ mé lộ đến mé kênh).

Hướng Bắc giáp đất của bà Trần Thị T, có số đo 28m (tính từ mé lộ đến mé kênh).

Hiện trạng trên đất tranh chấp có 02 cây me chưa cho trái, 01 cây dừa chưa cho trái, 02 cây táo đã cho trái, 02 cây ổi đã cho trái, 03 bụi tre, 03 cây xanh (cây kiểng), các cây trên do bà T1 trồng.

[2] Ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị H và bà Huỳnh Thị T1 thống nhất xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông T, bà H. Ông T, bà H xác định diện tích đất tranh chấp ông bà cho bà T1 mượn để cất nhà ở vào khoảng năm 1993 – 1994, ông bà chỉ cho bà T1 phần đất phía trên lộ đối diện phần đất đang tranh chấp hiện nay bà T1 đã cất nhà ở kiên cố. Bà T1 xác định ông T, bà H đã cho bà phần đất tranh chấp và phần đất phía trên lộ. Do ông T, bà H không thừa nhận có cho bà T1 phần đất tranh chấp, nên bà T1 phải có nghĩa vụ chứng minh.

[3] Qua xác minh những người làm chứng gồm: Ông Nguyễn Thanh T (bút lục số 72, 72B), ông Nguyễn Văn M (bút lục số 74, 74B) và ông Dương Thanh T (bút lục số 69) đều xác định vào thời điểm kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, có thấy ông T và bà T1 đi kê khai, đăng ký nhưng không biết diện tích bao nhiêu. Lời khai của ông Đinh Văn T (bút lục số 70, 76), ông Hồng Văn V (bút lục số 67) và ông Võ Tấn P đều xác định ông T, bà H cho bà Thảo một cái nền cất nhà, nhưng không nhớ cho năm nào và cho như thế nào. Xét thấy, lời khai của những người làm chứng là không thống nhất, không trực tiếp chứng kiến việc ông T, bà H tặng cho đất bà T1 như thế nào, chỉ thấy ông T và bà T1 đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng không biết ông T và bà T1 kê khai, đăng ký cụ thể như thế nào, nên lời khai của những người làm chứng không đủ căn cứ chứng minh ông T, bà H đã tặng cho bà T1 phần đất đang tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H, bà H1 và bà T1 xác định chữ viết tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 07/5/1993 người đề nghị Huỳnh Thị T1 (bút lục 111) không phải chữ viết của ông T; bà T1 cũng không yêu cầu giám định chữ viết của ông Huỳnh Ngọc T.

[4] Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị T1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T1 năm 1993 là không có đo đạc diện tích thực tế, Cơ quan chuyên môn cấp giấy theo sự kê khai, đăng ký của người dân; ông T, bà H không cho bà T1 diện phần đất tranh chấp, nhưng Cơ quan chuyên môn cấp giấy cho hộ bà T1 phần đất tranh chấp là cấp sai đối tượng sử dụng đất. Do đó, ông T, bà H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 đối với diện tích đất tranh chấp là có căn cứ chấp nhận.

[5] Ngoài lời khai của những người làm chứng thì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ông T, bà H tặng cho bà T1 phần đất tranh chấp, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H đòi hộ bà T1 trả diện tích đất 651m^2 là có căn cứ.

[6] Quá trình sử dụng đất, bà T1 xác định gia đình bà có bồi đắp, cải tạo đất nhiều lần, nhiều năm từ đất ruộng thành đất nền như hiện trạng hiện nay, nhưng không xác định được giá trị bồi đắp bao nhiêu, nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H thì bà T1 yêu cầu ông T, bà H trả lại công sức bồi đắp cho gia đình bà số tiền 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Bà H1 là người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H thừa nhận quá trình sử dụng đất gia đình bà T1 có bồi đắp, cải tạo đất như lời khai của bà T1 và đồng ý hỗ trợ cho gia đình bà T1 30.000.000 đồng, không đồng ý trả công sức bồi đắp cho gia đình bà T1 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T1 yêu cầu ông T, bà H trả công sức bồi đắp 50.000.000 đồng; ông T, bà H không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

[7] Ngoài ra, bà H1 thừa nhận ông T, bà H có chặt 01 cây ổi do bà T1 trồng trên phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, án sơ thẩm đã quyết định giao các cây trồng trên đất tranh chấp cho ông T, bà H trừ 03 cây xanh và buộc ông T, bà H trả giá trị các cây trồng trên đất không di dời được, tính cả cây ổi đã chặt và buộc gia đình bà T1 di dời 03 cây xanh (cây kiểng) để trả lại phần đất tranh chấp cho ông T, bà H là phù hợp.

[8] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1 và đề nghị của Kiểm sát viên; có căn cứ chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Huỳnh Thị T1 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H đối với bà Huỳnh Thị T1.

Buộc bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K cùng có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H diện tích đất 651m^2 thuộc một phần thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp với kênh Hòa Bình – Minh Diệu, có số đo 23m.

Hướng Tây giáp với lộ Hòa Bình – Minh Diệu, có số đo 26m.

Hướng Nam giáp đất của ông Huỳnh Văn Q và bà Huỳnh Thị T1 đang tranh chấp, có số đo 28m (tính từ mé lộ đến mé kênh).

Hướng Bắc giáp đất của bà Trần Thị T, có số đo 28m (tính từ mé lộ đến mé kênh).

2. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T1 diện tích đất 651 m^2 thuộc một phần thửa đất số 429, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như nêu ở mục 1 của phần Quyết định này.

3. Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng 02 cây me chưa cho trái, 01 cây dừa chưa cho trái, 02 cây táo đã cho trái, 01 cây ổi đã cho trái, 03 bụi tre.

4. Buộc ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K số tiền 52.817.000 đồng.

5. Buộc bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K phải có nghĩa vụ di dời (bứng) 03 cây xanh (cây kiểng) để trả lại phần đất cho ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H.

6. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H được miễn nộp. Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 004161 ngày 16/5/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K cùng phải chịu chung số tiền 200.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T1 phải nộp 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị T1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003991 ngày 20/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

7. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 600.000 đồng; bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K phải chịu toàn bộ. Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền 600.000 đồng, nên bà Huỳnh Thị T1, ông Lê Văn D, chị Lê Huỳnh M, anh Lê Quốc K cùng phải nộp

số tiền 600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu để hoàn lại cho ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị H.

8. Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND H;
- CCTHADS H;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thanh Dũng